

NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ỨNG DỤNG TRÍ TUỆ NHÂN TẠO TRONG HỌC TỪ VỰNG TIẾNG VIỆT CỦA HỌC VIÊN LÀO - CAMPUCHIA TẠI HỌC VIỆN QUÂN Y

NGÔ THỊ TUYẾT* - LÊ VIÊN LAN HƯƠNG**

TÓM TẮT: Nghiên cứu khảo sát 64 học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y nhằm làm rõ thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học từ vựng tiếng Việt. Kết quả cho thấy học viên sử dụng AI với tần suất cao, chủ yếu thông qua các công cụ tra cứu và gợi ý cách dùng từ như Google Translate và ChatGPT. AI được đánh giá tích cực trong việc hỗ trợ hiểu nghĩa nhanh, tăng cường ghi nhớ từ vựng và tạo động lực học tập. Tuy nhiên, việc sử dụng còn mang tính tự phát, thiếu kiểm chứng độ chính xác và chưa gắn chặt với yêu cầu từ vựng chuyên ngành. Học viên bày tỏ nhu cầu được giảng viên định hướng và tích hợp AI vào hoạt động học trên lớp để nâng cao hiệu quả sử dụng.

TỪ KHÓA: Trí tuệ nhân tạo; học từ vựng tiếng Việt; học viên Lào - Campuchia; Học viện Quân y; nghiên cứu khảo sát.

NHẬN BÀI: 05/12/2025.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 06/03/2026

1. Đặt vấn đề

Đối với học viên quân sự nước ngoài theo học ngành y tại Việt Nam, từ vựng tiếng Việt không chỉ là công cụ giao tiếp mà còn là phương tiện tiếp nhận tri thức chuyên môn, nơi độ chính xác thuật ngữ có ý nghĩa quyết định đối với năng lực học tập và an toàn nghề nghiệp. Tuy nhiên, trong bối cảnh khối lượng thuật ngữ y khoa lớn, thời gian tiếp thu hạn chế và áp lực đào tạo cao, nhiều học viên Lào - Campuchia có xu hướng tìm đến các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) như một giải pháp “giảm tải” tức thời trong học từ vựng. Sự phổ biến nhanh chóng của các công cụ như Google Translate hay ChatGPT mở ra cơ hội hỗ trợ học tập linh hoạt và cá nhân hóa. Tuy nhiên, việc sử dụng AI trong môi trường đào tạo quân y cũng tiềm ẩn rủi ro, đặc biệt khi người học phụ thuộc vào các công cụ dịch và gợi ý tự động mà thiếu cơ chế kiểm chứng thuật ngữ chuyên ngành. Trong bối cảnh này, câu hỏi đặt ra không chỉ là học viên có sử dụng AI hay không, mà quan trọng hơn là họ đang sử dụng AI như thế nào và với mức độ kiểm soát ra sao.

Xuất phát từ yêu cầu đó, nghiên cứu này khảo sát thực trạng sử dụng AI trong học từ vựng tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, tập trung làm rõ các công cụ được sử dụng, lợi ích cảm nhận, thái độ tiếp nhận và nhu cầu định hướng sư phạm, qua đó cung cấp cơ sở thực tiễn cho việc tích hợp AI một cách có kiểm soát trong dạy - học tiếng Việt chuyên ngành.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Lịch sử vấn đề

Các nghiên cứu quốc tế gần đây cho thấy, trí tuệ nhân tạo (AI), đặc biệt là chatbot và các trợ lý học tập thông minh, đang được quan tâm như một công cụ hỗ trợ hiệu quả trong dạy và học ngoại ngữ, trong đó có học từ vựng. Nhờ khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên, phản hồi tức thời và điều chỉnh nội dung theo người học, AI có thể hỗ trợ quá trình tiếp nhận, luyện tập và vận dụng từ vựng theo hướng linh hoạt và cá nhân hóa. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu cũng nhấn mạnh rằng hiệu quả của AI phụ thuộc đáng kể vào cách người học khai thác công cụ và cơ chế định hướng sư phạm đi kèm.

Ở hướng tiếp cận AI tạo sinh, Al-Khreshheh (2024) cho rằng các công cụ như ChatGPT có thể hỗ trợ người học điều chỉnh chiến lược học tập thông qua phản hồi thích ứng, qua đó nâng cao tính tự chủ. Silitonga, Wiyaka và Prastikawati (2024) cho thấy chatbot AI có thể tạo ra môi trường tương tác ngôn ngữ hỗ trợ học từ vựng chuyên ngành và cải thiện khả năng ghi nhớ, trong khi Abduljawad

*Học viện Quân y Việt Nam; Email: tuyetk84@gmail.com

**TS; Học viện Quân y Việt Nam; Email: levienlanhuongk84@gmail.com

(2024) lưu ý rằng lợi ích của AI chỉ thực sự phát huy khi người học biết đặt yêu cầu phù hợp và kiểm chứng đầu ra. Bên cạnh Chatbot, các nền tảng học tập tích hợp AI theo hướng học thích nghi như Duolingo được ghi nhận có khả năng hỗ trợ học từ vựng thông qua điều chỉnh mức độ và nhịp độ học theo tiến trình cá nhân (Ajisoko, 2020). Từ góc nhìn người dạy, Yoon và Lee (2023) nhấn mạnh rằng AI chỉ phát huy hiệu quả khi được tích hợp có định hướng trong hoạt động trên lớp, góp phần tăng mức độ tham gia và hứng thú học tập của người học.

Tại Việt Nam, các nghiên cứu về dạy - học từ vựng tiếng Việt như một ngoại ngữ chủ yếu tập trung vào phương pháp giảng dạy và học liệu, nhấn mạnh dạy từ vựng theo ngữ cảnh và ứng dụng công nghệ số ở mức hỗ trợ phương pháp (Trần Thanh Linh, 2013; Nguyễn Văn Phúc, 2013; Nguyễn Thị Kim Thoa & Phạm Thị Thúy Hồng, 2020; Trịnh Quỳnh Đông Nghi, 2023). Riêng trong bối cảnh Học viện Quân y, Ngô Thị Tuyết và Lê Viên Lan Hương (2025) cho thấy học viên Lào - Campuchia vẫn lệ thuộc vào chiến lược tra - dịch - học thuộc khi học từ vựng tiếng Việt.

Có thể thấy rằng, mặc dù AI đã được đề cập như một công cụ hỗ trợ học từ vựng trong nhiều nghiên cứu, song vẫn còn thiếu các khảo sát có hệ thống về việc ứng dụng AI tạo sinh trong học từ vựng tiếng Việt, đặc biệt đối với học viên Lào - Campuchia trong môi trường đào tạo quân y. Khoảng trống này chính là cơ sở để nghiên cứu hiện tại được triển khai.

2.2. Cơ sở lý thuyết

Trong dạy - học ngoại ngữ, từ vựng giữ vai trò trung tâm đối với khả năng tiếp nhận và sử dụng ngôn ngữ của người học. Đối với người học tiếng Việt như một ngoại ngữ, đặc biệt là học viên Lào - Campuchia trong môi trường đào tạo quân y, việc học từ vựng không chỉ nhằm ghi nhớ nghĩa từ đơn lẻ mà còn gắn trực tiếp với yêu cầu tiếp nhận kiến thức chuyên môn, tham gia giao tiếp học thuật và đảm bảo độ chính xác thuật ngữ trong quá trình học tập. Do đó, các công cụ hỗ trợ học từ vựng cần đáp ứng đồng thời yêu cầu về hiệu quả, tính linh hoạt và khả năng thích ứng với trình độ, nhu cầu cá nhân của người học.

Từ góc độ công nghệ giáo dục, trí tuệ nhân tạo trong học ngôn ngữ được hiểu là các hệ thống có khả năng xử lý ngôn ngữ tự nhiên và hỗ trợ hoạt động học tập thông qua các chức năng như tra cứu, gợi ý, phản hồi và điều chỉnh theo hành vi người học. Trong học từ vựng, AI thường được triển khai dưới dạng chatbot, trợ lý ảo, ứng dụng học tập thông minh hoặc nền tảng học thích nghi, cho phép người học tiếp cận nghĩa từ nhanh chóng, mở rộng ngữ cảnh sử dụng và nhận phản hồi tức thời. Tuy nhiên, việc AI được người học chấp nhận và sử dụng hiệu quả không chỉ phụ thuộc vào đặc tính kỹ thuật của công cụ mà còn chịu ảnh hưởng bởi nhận thức, thái độ và ý định sử dụng của người học.

Để lý giải hành vi chấp nhận và sử dụng AI trong học từ vựng, nghiên cứu này dựa trên Mô hình Chấp nhận Công nghệ (Technology Acceptance Model - TAM) do Davis (1989) đề xuất. Theo Davis, việc người học chấp nhận một công nghệ chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi nhận thức về tính hữu ích và nhận thức về tính dễ sử dụng, hai yếu tố này tác động đến thái độ, ý định và hành vi sử dụng công nghệ.

Trong nghiên cứu này, tính hữu ích được phản ánh qua các lợi ích học viên cảm nhận khi sử dụng AI (hỗ trợ hiểu nghĩa, ghi nhớ và vận dụng từ vựng), trong khi tính dễ sử dụng được thể hiện gián tiếp qua tần suất sử dụng và mức độ ưu tiên AI trong hoạt động tự học. Các yếu tố này gắn với thái độ của học viên và nhu cầu được giảng viên hướng dẫn, tích hợp AI vào hoạt động học trên lớp. Trên cơ sở đó, việc ứng dụng AI trong học từ vựng tiếng Việt được phân tích qua ba phương diện: (i) mức độ sử dụng công cụ AI; (ii) lợi ích cảm nhận; và (iii) thái độ, ý định sử dụng và nhu cầu định hướng sư phạm. Khung lý thuyết này định hướng cho việc xây dựng công cụ khảo sát và phân tích kết quả nghiên cứu trong bối cảnh đào tạo quân y.

2.3. Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của bài báo là thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong học từ vựng tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, tập trung vào ba phương diện: (i) tần suất sử dụng các công cụ AI; (ii) lợi ích cảm nhận khi sử dụng AI; (iii) thái độ, nhu cầu được hướng dẫn và tích hợp AI vào hoạt động học tập.

Khách thể nghiên cứu gồm 64 học viên Lào - Campuchia, thuộc hai khóa DHY58 (năm thứ hai) và DHY59 (năm thứ nhất), đang theo học hệ bác sĩ đa khoa tại Học viện Quân y. Việc lựa chọn học viên năm 1-2 nhằm phản ánh giai đoạn người học đang hình thành chiến lược học từ vựng và bắt đầu tiếp cận thuật ngữ y khoa tiếng Việt trong môi trường đào tạo quân y có yêu cầu cao về độ chính xác.

Mẫu nghiên cứu được lựa chọn theo phương pháp mẫu thuận tiện, bao phủ toàn bộ học viên Lào - Campuchia của hai khóa tại thời điểm khảo sát.

2.4. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thiết kế theo hướng mô tả cắt ngang, sử dụng phương pháp hỗn hợp (định lượng kết hợp định tính) nhằm vừa phản ánh thực trạng sử dụng AI trong học từ vựng tiếng Việt của học viên, vừa làm rõ cách thức và lý do sử dụng trong bối cảnh đào tạo quân y.

Về định lượng, dữ liệu được thu thập thông qua bảng hỏi do nhóm tác giả xây dựng trên cơ sở Mô hình Chấp nhận Công nghệ (TAM) và tham khảo các nghiên cứu gần đây về AI trong dạy - học ngôn ngữ (Abduljawad, 2024; Al-Khreshah, 2024). Bảng hỏi gồm 15 mục, chia thành ba nhóm nội dung: (i) tần suất sử dụng các công cụ AI; (ii) lợi ích học viên cảm nhận khi sử dụng AI; và (iii) thái độ, ý định sử dụng và nhu cầu được định hướng sự phạm. Các mục hỏi sử dụng thang đo tần suất và thang Likert 5 mức độ. Dữ liệu được xử lý bằng thống kê mô tả (tần suất, tỉ lệ phần trăm) nhằm khái quát xu hướng sử dụng và đánh giá của học viên. Trước khi khảo sát chính thức, bảng hỏi được thử nghiệm trên 10 học viên khóa DHY57 (không thuộc mẫu nghiên cứu) nhằm kiểm tra độ rõ ràng, khả năng hiểu câu hỏi và điều chỉnh ngôn ngữ cho phù hợp với trình độ tiếng Việt của người học.

Về định tính, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc với 10 học viên, được lựa chọn theo chủ đích có phân tầng nhằm đảm bảo đại diện theo quốc tịch (Lào/Campuchia) và năm học (năm thứ nhất/ năm thứ hai). Dữ liệu phỏng vấn được ghi âm, chép lại và phân tích theo chủ đề, qua đó đối chiếu và bổ trợ cho kết quả định lượng.

2.5. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu tuân thủ các nguyên tắc đạo đức trong nghiên cứu khoa học xã hội. Học viên tham gia khảo sát và phỏng vấn trên tinh thần tự nguyện, được thông báo rõ mục đích nghiên cứu và có quyền từ chối hoặc rút lui bất kỳ thời điểm nào. Mọi thông tin cá nhân được ẩn danh và chỉ sử dụng cho mục đích nghiên cứu. Dữ liệu thu thập được lưu trữ và xử lý theo nguyên tắc bảo mật, không ảnh hưởng đến kết quả học tập hay đánh giá của người học tại Học viện Quân y.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Kết quả định lượng

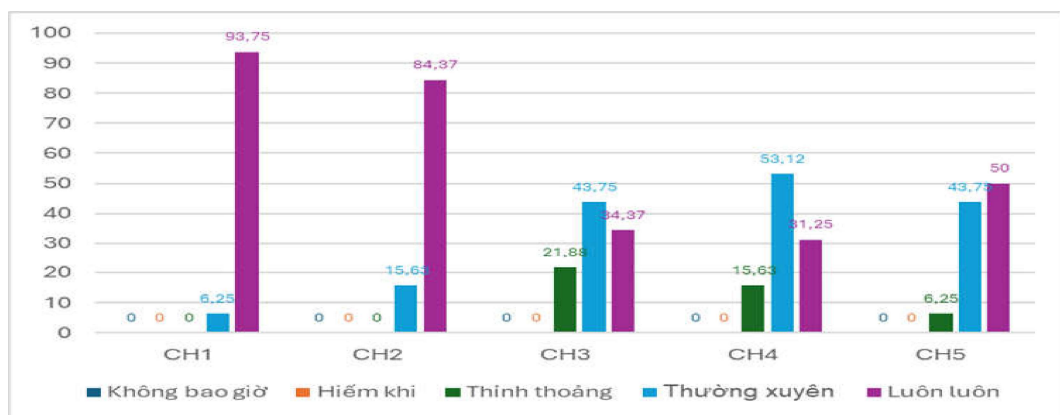
3.1.1. Các công cụ AI phổ biến được sử dụng trong học từ vựng tiếng Việt

Trong bối cảnh trí tuệ nhân tạo ngày càng được tích hợp sâu vào các hoạt động học tập, việc khảo sát mức độ tiếp cận và tần suất sử dụng các công cụ AI trong học từ vựng tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y cho phép nhận diện rõ xu hướng và đặc điểm sử dụng công nghệ của nhóm người học này. Kết quả khảo sát tần suất học viên sử dụng các công cụ AI phổ biến như Google Translate, ChatGPT, QuillBot, Copilot và các ứng dụng học tập có tích hợp AI được trình bày trong Bảng 1 và Biểu đồ 1.

Bảng 1. Tần suất học viên sử dụng các công cụ AI trong học từ vựng tiếng Việt (n=64)

Nội dung câu hỏi	Tần suất sử dụng					
	Không bao giờ HV (%)	Hiếm khi HV (%)	Thỉnh thoảng HV (%)	Thường xuyên HV (%)	Luôn luôn HV (%)	Tổng HV (%)
Tôi sử dụng Google Translate để tra cứu nghĩa từ vựng tiếng Việt.	0 (0)	0 (0)	0 (0)	4 (6,25)	60 (93,75)	64 (100)
Tôi sử dụng ChatGPT để dịch nghĩa, tìm ví dụ hoặc đặt câu với từ vựng tiếng Việt.	0 (0)	0 (0)	0 (0)	10 (15,63)	54 (84,37)	64 (100)

Tôi sử dụng các công cụ AI như QuillBot hoặc Copilot để kiểm tra, chỉnh sửa hoặc diễn đạt lại cách dùng từ vựng tiếng Việt.	0 (0)	0 (0)	14 (21,88)	28 (43,75)	22 (34,37)	64 (100)
Tôi sử dụng các ứng dụng có tích hợp AI (Duolingo, Quizizz, Moodle,...) để hỗ trợ học từ vựng tiếng Việt.	10 (15,63)	14 (21,88)	20 (31,25)	13 (20,31)	7 (10,93)	64 (100)
Khi học từ vựng tiếng Việt ngoài giờ học, tôi ưu tiên sử dụng các công cụ AI hơn so với các phương pháp học truyền thống.	0 (0)	0 (0)	4 (6,25)	28 (43,75)	32 (50,00)	64 (100)



Biểu đồ 1. Tỷ lệ tần suất HV sử dụng các công cụ AI trong học từ vựng tiếng Việt

Dữ liệu ở Bảng 1 cho thấy việc sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học từ vựng tiếng Việt đã trở thành một thực tiễn phổ biến đối với học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y. Tuy nhiên, mức độ sử dụng giữa các nhóm công cụ AI không đồng đều mà thể hiện sự phân hóa rõ rệt theo chức năng.

Nổi bật nhất là nhóm công cụ tra cứu và giải đáp tức thời. Cụ thể, 100% học viên sử dụng Google Translate và ChatGPT ở mức thường xuyên trở lên, trong đó tỉ lệ lựa chọn mức luôn luôn chiếm ưu thế (Google Translate: 93,75%; ChatGPT: 84,37%). Kết quả này cho thấy hai công cụ trên đã trở thành nguồn hỗ trợ đầu vào gần như không thể thiếu trong quá trình học từ vựng, đặc biệt khi học viên cần xử lý nhanh từ mới xuất hiện trong bài giảng hoặc tài liệu chuyên ngành. Ngược lại, các công cụ AI mang tính hỗ trợ diễn đạt và chỉnh sửa nâng cao như QuillBot/Copilot có mức độ sử dụng thấp hơn và phân hóa hơn, với 78,12% học viên sử dụng thường xuyên/ luôn luôn. Điều này cho thấy nhóm công cụ này chưa được khai thác đồng đều, có thể do yêu cầu cao hơn về kĩ năng sử dụng hoặc do học viên chỉ sử dụng khi phát sinh nhu cầu cụ thể.

Đáng chú ý, các nền tảng học tập tích hợp AI theo lộ trình như Duolingo, Quizizz hay Moodle có tần suất sử dụng thấp nhất: chỉ 31,24% học viên dùng thường xuyên/ luôn luôn, trong khi 37,51% hiếm khi hoặc không sử dụng. Sự tương phản này cho thấy học viên có xu hướng ưu tiên các công cụ giải quyết tình huống tức thời hơn là các nền tảng học tập có cấu trúc và tiến trình dài hạn. Xu hướng thực dụng này được củng cố thêm bởi việc 93,75% học viên thường xuyên/ luôn luôn ưu tiên AI khi tự học ngoài giờ.

Như vậy, AI đang được học viên sử dụng chủ yếu như công cụ hỗ trợ bề mặt nhằm giải quyết nhanh khó khăn về từ vựng, hơn là một thành tố trong chiến lược học tập có hệ thống.

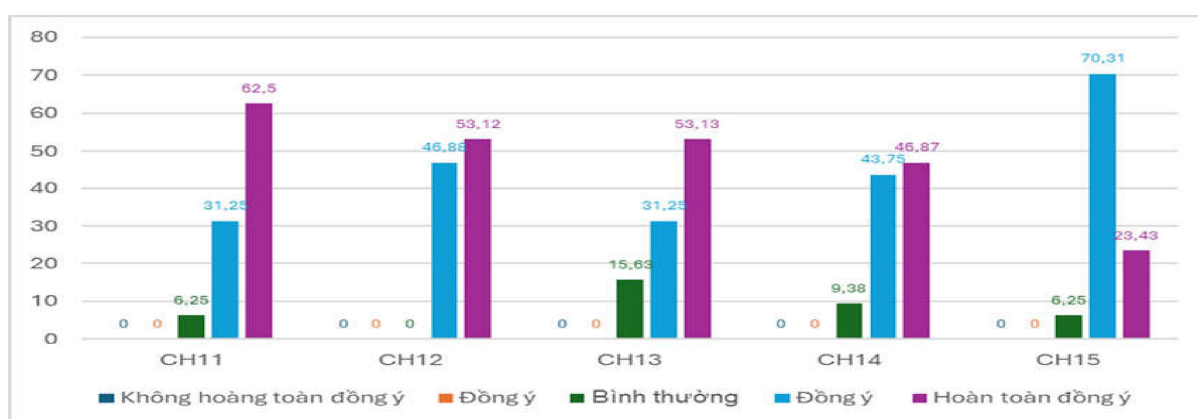
3.1.2. Lợi ích của việc sử dụng công cụ AI trong học từ vựng

Bên cạnh việc xác định các công cụ AI được học viên sử dụng phổ biến, nghiên cứu tiếp tục khảo sát quan điểm của học viên về những lợi ích mà các công cụ này mang lại trong quá trình học từ vựng tiếng Việt. Các nội dung khảo sát tập trung vào khả năng hỗ trợ tra cứu nghĩa, tăng cường ghi nhớ từ

vững, phát triển các kỹ năng ngôn ngữ, học từ vựng trong ngữ cảnh thực tế cũng như mức độ phù hợp của AI với trình độ và nhu cầu cá nhân của người học. Kết quả khảo sát 64 học viên Lào - Campuchia được tổng hợp và trình bày trong Bảng 2 và Biểu đồ 2.

Bảng 2. Quan điểm của học viên về lợi ích của các công cụ AI trong học từ vựng tiếng Việt (n=64)

Nội dung câu hỏi	Mức độ đồng ý					
	Không hoàn toàn đồng ý HV (%)	Không đồng ý HV (%)	Bình thường HV (%)	Đồng ý HV (%)	Hoàn toàn đồng ý HV (%)	Tổng HV (%)
Việc sử dụng các công cụ AI giúp tôi hiểu nghĩa từ vựng tiếng Việt nhanh và chính xác hơn.	0 (0)	0 (0)	0 (0)	10 (15,63)	54 (84,37)	64 (100)
Các công cụ AI giúp tôi ghi nhớ từ vựng tiếng Việt tốt hơn.	0 (0)	0 (0)	0 (0)	30 (46,88)	34 (53,12)	64 (100)
Các công cụ AI hỗ trợ tôi phát triển các kỹ năng ngôn ngữ (nghe, nói, đọc, viết).	0 (0)	0 (0)	4 (6,25)	24 (37,50)	36 (56,25)	64 (100)
Các công cụ AI giúp tôi học từ vựng tiếng Việt theo ngữ cảnh thực tế.	0 (0)	0 (0)	14 (21,88)	24 (37,50)	26 (40,62)	64 (100)
Các công cụ AI giúp tôi học từ vựng phù hợp với trình độ và nhu cầu cá nhân.	0 (0)	0 (0)	0 (0)	24 (37,50)	40 (62,50)	64 (100)



Biểu đồ 2. Tỉ lệ quan điểm của học viên về lợi ích của các công cụ AI trong việc học từ vựng tiếng Việt

Kết quả ở Bảng 2 cho thấy mức độ đồng thuận rất cao của học viên đối với các lợi ích mà AI mang lại trong học từ vựng tiếng Việt. Trước hết, 100% học viên đồng ý hoặc hoàn toàn đồng ý rằng AI giúp họ hiểu nghĩa từ nhanh và chính xác hơn, trong đó tỷ lệ *hoàn toàn đồng ý* chiếm tới 84,37%. Đồng thời, 100% học viên cũng cho rằng AI hỗ trợ ghi nhớ từ vựng tốt hơn.

Các kết quả này phản ánh rõ vai trò của AI trong việc đáp ứng nhu cầu tiếp nhận nghĩa từ nhanh, giảm tải áp lực nhận thức và hỗ trợ ghi nhớ thông qua ví dụ, diễn giải và lặp lại trong nhiều bối cảnh. Đây cũng là những lợi ích phù hợp với đặc điểm học tập của học viên trong môi trường đào tạo quân y, nơi thời gian học tập hạn chế và yêu cầu xử lý thuật ngữ cao.

Tuy nhiên, mức độ đồng thuận giảm khi xét đến khả năng hỗ trợ học từ vựng theo ngữ cảnh thực tế. Cụ thể, vẫn có 21,88% học viên lựa chọn mức *bình thường* cho tiêu chí này. Điều này cho thấy

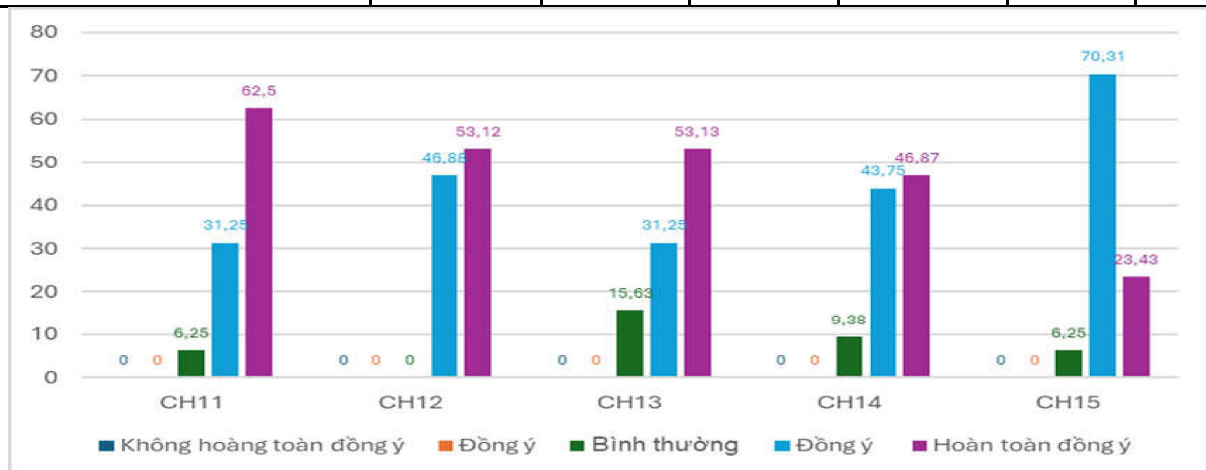
không phải mọi học viên đều tin tưởng vào độ phù hợp của ngữ cảnh do AI tạo ra, đặc biệt đối với từ vựng mang tính chuyên ngành. Kết quả này gợi ý rằng hiệu quả của AI trong học từ vựng không chỉ phụ thuộc vào công cụ, mà còn phụ thuộc vào cách người học khai thác và kiểm soát đầu ra của AI.

3.1.3. Thái độ và nhu cầu của học viên đối với việc sử dụng AI

Song song với việc xác định mức độ sử dụng và các lợi ích của công cụ AI trong học từ vựng tiếng Việt, nghiên cứu tiếp tục khảo sát thái độ và nhu cầu của học viên Lào - Campuchia đối với việc ứng dụng AI trong quá trình học tập. Nội dung khảo sát tập trung vào mức độ hài lòng, hứng thú học tập, ý định tiếp tục sử dụng AI, cũng như nhu cầu được hướng dẫn và tích hợp AI vào các hoạt động học từ vựng trên lớp. Kết quả khảo sát được trình bày trong Bảng 3 và Biểu đồ 3.

Bảng 3. Thái độ và nhu cầu của học viên đối với việc sử dụng AI trong việc học từ vựng tiếng Việt (n=64)

Nội dung câu hỏi	Mức độ đồng ý					
	Không hoàn toàn đồng ý HV (%)	Không đồng ý HV (%)	Bình thường HV (%)	Đồng ý HV (%)	Hoàn toàn đồng ý HV (%)	Tổng HV (%)
Tôi cảm thấy hài lòng khi sử dụng các công cụ AI để học từ vựng tiếng Việt.	0 (0)	0 (0)	4 (6,25)	20 (31,25)	40 (62,50)	64 (100)
Việc sử dụng AI khiến tôi hứng thú hơn khi học từ vựng tiếng Việt.	0 (0)	0 (0)	0 (0)	30 (46,88)	34 (53,12)	64 (100)
Tôi có ý định tiếp tục sử dụng các công cụ AI trong việc học từ vựng tiếng Việt trong thời gian tới.	0 (0)	0 (0)	10 (15,63)	20 (31,25)	34 (53,13)	64 (100)
Tôi mong muốn được giảng viên hướng dẫn cụ thể cách sử dụng AI để học từ vựng tiếng Việt hiệu quả.	0 (0)	0 (0)	6 (9,38)	28 (43,75)	30 (46,87)	64 (100)
Tôi mong muốn giảng viên tích hợp các công cụ AI vào các hoạt động học từ vựng tiếng Việt trên lớp.	0 (0)	0 (0)	4 (6,25)	45 (70,31)	15 (23,43)	64 (100)



Biểu đồ 3. Tỉ lệ thái độ và nhu cầu của học viên đối với việc sử dụng AI trong việc học từ vựng tiếng Việt

Dữ liệu ở Bảng 3 cho thấy thái độ của học viên đối với việc ứng dụng AI nhìn chung rất tích cực. Cụ thể, 93,75% học viên hài lòng khi sử dụng AI để học từ vựng và 100% cho rằng AI làm tăng hứng thú học tập. Điều này khẳng định AI không chỉ là công cụ kỹ thuật mà còn góp phần cải thiện trải nghiệm học tập của người học.

Tuy nhiên, ý định tiếp tục sử dụng AI trong tương lai có mức phân hóa nhẹ, với 84,38% học viên đồng ý/hoàn toàn đồng ý và 15,63% ở mức trung tính. Kết quả này cho thấy, bên cạnh nhóm học viên sẵn sàng duy trì việc sử dụng AI, vẫn tồn tại một bộ phận chưa hoàn toàn tự tin về hiệu quả hoặc cách sử dụng AI.

Điểm đáng chú ý nhất nằm ở nhu cầu định hướng sư phạm. Có tới 90,62% học viên mong muốn được giảng viên hướng dẫn cách sử dụng AI hiệu quả, và 93,74% mong muốn AI được tích hợp vào các hoạt động học từ vựng trên lớp. Điều này cho thấy khoảng cách rõ rệt giữa mức độ sử dụng AI và năng lực sử dụng AI một cách có chiến lược, đồng thời khẳng định vai trò trung tâm của giảng viên trong việc điều tiết và định hướng việc ứng dụng AI.

3.2. Kết quả định tính: phỏng vấn học viên

Nhằm bổ sung và làm rõ hơn các kết quả khảo sát định lượng, nghiên cứu tiến hành phỏng vấn bán cấu trúc 10 học viên Lào - Campuchia đang học tập tại Học viện Quân y. Nội dung phỏng vấn tập trung vào trải nghiệm thực tế của học viên khi sử dụng các công cụ trí tuệ nhân tạo (AI) trong học từ vựng tiếng Việt, cách xử lý từ mới hoặc từ khó, cũng như những đánh giá và kì vọng của học viên đối với việc ứng dụng AI trong học tập. Phân tích dữ liệu phỏng vấn cho thấy các ý kiến có thể được khái quát thành ba chủ đề chính dưới đây.

Thứ nhất, khi gặp từ mới hoặc từ khó, học viên có xu hướng ưu tiên cách tiếp cận “tra nhanh - hiểu nhanh”, trong đó AI được sử dụng như công cụ hỗ trợ tức thời. Một học viên cho biết: *“Khi gặp từ mới, em thường mở Google Translate trước để biết nghĩa nhanh, nếu vẫn chưa hiểu thì hỏi ChatGPT để xem ví dụ và cách dùng trong câu”* (HV3). Một học viên khác chia sẻ: *“Em dùng ChatGPT để hỏi lại cho chắc, nhất là khi từ đó xuất hiện trong bài giảng hoặc tài liệu chuyên ngành”* (HV7). Những chia sẻ này phản ánh rõ thói quen sử dụng AI như công cụ tra cứu và giải quyết khó khăn ngôn ngữ ngay tại thời điểm học, phù hợp với kết quả khảo sát định lượng khi toàn bộ học viên sử dụng Google Translate và ChatGPT ở mức thường xuyên trở lên.

Thứ hai, học viên nhìn nhận AI là công cụ giúp tăng hứng thú và tính chủ động trong học từ vựng, song cũng bày tỏ lo ngại về nguy cơ lệ thuộc nếu sử dụng không có định hướng. Một học viên nhận xét: *“Dùng AI làm em thấy học dễ hơn và đỡ sợ từ mới, vì lúc nào cũng có thể hỏi lại”* (HV1). Tuy nhiên, một học viên khác cũng thẳng thắn chia sẻ: *“Nếu chỉ copy câu trả lời của AI thì em thấy nhớ không lâu, lúc nói hoặc viết lại vẫn bị lúng túng”* (HV5). Điều này cho thấy AI có thể tạo động lực học tập, nhưng nếu người học chỉ tiếp nhận thụ động, việc ghi nhớ và vận dụng từ vựng sẽ bị hạn chế.

Thứ ba, các khó khăn khi sử dụng AI trong học từ vựng tiếng Việt chủ yếu liên quan đến độ chính xác, sắc thái từ vựng và sự phù hợp với bối cảnh đào tạo quân y. Một học viên cho biết: *“Em không chắc từ AI gợi ý có dùng đúng trong bài học y khoa hay không, vì nhiều từ nghĩa gần giống nhau”* (HV6). Một học viên khác đề cập đến vấn đề kỹ thuật: *“Nhiều khi em không biết phải hỏi AI như thế nào để có ví dụ đúng với bài học ở Học viện”* (HV9). Ngoài ra, một số học viên thừa nhận việc sử dụng AI còn mang tính lan man: *“Có lúc em hỏi nhiều quá, đọc nhiều câu trả lời nhưng lại không nhớ cái nào là quan trọng cho bài học”* (HV2).

Từ những ý kiến trên có thể thấy, nhu cầu được giảng viên hướng dẫn cách sử dụng AI một cách có mục tiêu, có kiểm soát và gắn với nội dung học tập được học viên nhấn mạnh một cách nhất quán. Một học viên chia sẻ: *“Nếu thầy cô hướng dẫn rõ cách dùng AI cho từng dạng bài thì em nghĩ học sẽ hiệu quả hơn”* (HV8). Những kết quả phỏng vấn này cho thấy sự tương đồng rõ rệt với dữ liệu khảo sát định lượng, đồng thời khẳng định vai trò quan trọng của định hướng sư phạm trong việc khai thác AI cho học từ vựng tiếng Việt tại Học viện Quân y.

3.3. Gợi ý giải pháp sư phạm

Từ việc tổng hợp và đối chiếu các kết quả định lượng và định tính, nghiên cứu rút ra ba luận điểm chính nhằm lí giải thực trạng sử dụng trí tuệ nhân tạo trong học từ vựng tiếng Việt của học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y, đồng thời gợi mở các định hướng sư phạm phù hợp với bối cảnh đào tạo đặc thù.

Thứ nhất, xu hướng tiếp cận AI theo hướng thực dụng chiếm ưu thế rõ rệt. Dữ liệu khảo sát cho thấy học viên sử dụng AI với tần suất rất cao, đặc biệt là các công cụ có chức năng tra cứu và giải đáp tức thời như Google Translate và ChatGPT. Việc các công cụ này được ưu tiên hơn hẳn các nền tảng học tập có lộ trình phản ánh xu hướng coi AI trước hết là phương tiện giải quyết nhanh khó khăn ngôn ngữ, thay vì là công cụ phát triển năng lực từ vựng theo tiến trình dài hạn. So với các nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của AI trong tạo ngữ cảnh, tương tác và mở rộng vốn từ một cách hệ thống, kết quả tại Học viện Quân y cho thấy tác động rõ rệt của yếu tố bối cảnh. Áp lực thuật ngữ chuyên ngành lớn, thời gian học tập hạn chế và yêu cầu tiếp nhận kiến thức chính xác khiến học viên ưu tiên chức năng “trợ lý giải đáp” hơn là “gia sư ngôn ngữ”. Điều này khẳng định rằng việc sử dụng AI chịu sự chi phối mạnh mẽ của điều kiện đào tạo và mục tiêu học tập cụ thể, chứ không đơn thuần là vấn đề công nghệ.

Thứ hai, tồn tại khoảng cách giữa lợi ích cảm nhận và hiệu quả học từ vựng theo ngữ cảnh. Mặc dù học viên đánh giá rất cao vai trò của AI trong việc hỗ trợ hiểu nghĩa nhanh và ghi nhớ từ vựng, song kết quả khảo sát cho thấy mức độ tin cậy đối với khả năng tạo ngữ cảnh của AI chưa đồng đều. Dữ liệu phỏng vấn cho thấy học viên còn băn khoăn về độ chính xác và sắc thái sử dụng từ, đặc biệt với các thuật ngữ y khoa. Trong môi trường đào tạo quân y, sai lệch thuật ngữ không chỉ là lỗi ngôn ngữ mà còn có thể ảnh hưởng đến quá trình tiếp nhận tri thức chuyên môn. Vì vậy, trạng thái “vừa sử dụng vừa dè chừng” của người học là phản ứng hợp lí trước rủi ro tiềm ẩn của các công cụ AI phổ thông. Khoảng cách này cho thấy hiệu quả của AI không phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực của công nghệ, mà gắn chặt với khả năng kiểm chứng và định hướng sử dụng của người học.

Thứ ba, nhu cầu định hướng sư phạm cao cho thấy vai trò của giảng viên cần được tái cấu trúc. Tỉ lệ học viên mong muốn được giảng viên hướng dẫn và tích hợp AI vào hoạt động học trên lớp ở mức rất cao chứng tỏ AI không làm suy giảm vai trò của giảng viên, mà đòi hỏi sự chuyển dịch vai trò từ “cung cấp nghĩa từ” sang “thiết kế và điều phối việc sử dụng AI”. Giảng viên trở thành người định hướng cách khai thác AI một cách có mục tiêu, có kiểm soát và phù hợp với nội dung chuyên ngành.

Từ các luận điểm trên, nghiên cứu đề xuất ba định hướng sư phạm chính:

(1) Hướng dẫn kĩ năng xây dựng câu lệnh (prompt) gắn với mục tiêu học phần và bối cảnh chuyên ngành. Ví dụ, thay vì yêu cầu chung chung như “hãy cho ví dụ với từ này”, học viên được hướng dẫn đặt câu lệnh cụ thể như: “hãy đặt câu với thuật ngữ này trong bối cảnh bệnh án nội khoa, sử dụng tiếng Việt học thuật”. Cách tiếp cận này giúp AI tạo ra ngữ cảnh sát hơn với yêu cầu học tập tại Học viện Quân y.

(2) Rèn luyện kĩ năng kiểm tra chéo đầu ra của AI với học liệu chính thống. Giảng viên có thể thiết kế hoạt động yêu cầu học viên so sánh nghĩa và cách dùng từ do AI gợi ý với giáo trình, bài giảng hoặc tài liệu y khoa chính thức, từ đó xác định điểm phù hợp và điểm cần điều chỉnh. Ví dụ, sau khi tra thuật ngữ bằng AI, học viên phải chỉ ra nguồn học liệu chính thống xác nhận hoặc hiệu chỉnh cách dùng từ đó.

(3) Tích hợp AI vào các nhiệm vụ học tập có tiêu chí đánh giá rõ ràng. Thay vì sử dụng AI một cách tự do, giảng viên có thể yêu cầu học viên sử dụng AI để chuẩn bị một phần nhiệm vụ (chẳng hạn: giải thích thuật ngữ, tạo ví dụ), sau đó trình bày lại bằng ngôn ngữ của mình và được đánh giá dựa trên độ chính xác, mức độ phù hợp ngữ cảnh và khả năng vận dụng. Cách làm này giúp chuyển việc sử dụng AI từ hành vi tự phát sang hoạt động học tập có kiểm soát.

Những định hướng trên đặc biệt phù hợp với môi trường đào tạo quân y, nơi tính kỉ luật và độ chính xác được đặt lên hàng đầu. Chỉ khi được đặt trong một khung sư phạm rõ ràng và có kiểm soát, AI mới có thể phát huy vai trò hỗ trợ học từ vựng tiếng Việt một cách an toàn, hiệu quả và bền vững.

4. Kết luận

Nghiên cứu khảo sát 64 học viên Lào - Campuchia tại Học viện Quân y cho thấy trí tuệ nhân tạo đã trở thành một công cụ hỗ trợ quen thuộc trong quá trình học từ vựng tiếng Việt, đặc biệt thông qua các ứng dụng có chức năng tra cứu và giải đáp nhanh như Google Translate và ChatGPT. AI được học viên đánh giá tích cực ở khả năng hỗ trợ tiếp nhận nghĩa từ, tăng cường ghi nhớ và tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận dụng từ vựng trong các hoạt động ngôn ngữ.

Tuy nhiên, kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng việc sử dụng AI của học viên hiện nay chủ yếu mang tính tự phát và tình huống, chưa được định hướng một cách hệ thống và chưa gắn chặt với mục tiêu học tập cũng như đặc thù từ vựng chuyên ngành quân y. Khoảng cách giữa lợi ích cảm nhận và hiệu quả học từ vựng theo ngữ cảnh cho thấy người học vẫn gặp khó khăn trong việc kiểm chứng độ chính xác, sắc thái sử dụng từ và khai thác AI như một công cụ phát triển năng lực ngôn ngữ dài hạn.

Trên cơ sở đó, nghiên cứu khẳng định rằng việc tích hợp AI vào dạy - học từ vựng tiếng Việt tại Học viện Quân y là một hướng đi có tiềm năng, song cần được đặt trong một khuôn khổ sư phạm phù hợp. Việc xây dựng quy trình sử dụng AI có kiểm soát, kết hợp với vai trò định hướng của giảng viên trong việc thiết kế nhiệm vụ học tập, hướng dẫn kỹ năng sử dụng và kiểm chứng đầu ra của AI, sẽ góp phần phát huy hiệu quả của công nghệ, đồng thời hỗ trợ học viên phát triển năng lực học từ vựng một cách chủ động, chính xác và bền vững trong môi trường đào tạo quân y.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Trần Thanh Linh (2013), “Kĩ thuật giảng dạy từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài”, Tạp chí Khoa học Xã hội, số 6.
2. Trịnh Quỳnh Đông Nghi (2023), “Sử dụng sơ đồ tư duy trực tuyến để dạy học từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài”, Tạp chí *Khoa học và Công nghệ* - Đại học Đà Nẵng, 2-2023, tr.60-65.
3. Nguyễn Văn Phúc (2013), *Một số phương pháp cung cấp từ vựng cơ bản trong dạy tiếng thực hành*. Kỷ yếu hội thảo khoa học “Nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học và tiếng Việt”. Nxb Khoa học Xã hội, tr.307-323.
4. Đỗ Phương Thảo (2022), “Thực trạng năng lực từ ngữ tiếng Việt của học viên Hàn Quốc tại một số cơ sở đào tạo của Việt Nam hiện nay”, Tạp chí *Khoa học Giáo dục*, 2022, Tập 67, Số 2, tr.9-21.
5. Nguyễn Thị Kim Thoa, Phạm Thị Thuý Hồng, “*Phương pháp dạy từ vựng tiếng Việt cho người nước ngoài bằng sơ đồ tư duy*”, Kỷ yếu điện tử Hội thảo Quốc gia Nghiên cứu liên ngành về Ngôn ngữ và giảng dạy ngôn ngữ lần thứ VI, 2020, tr 293-305.
6. Ngô Thị Tuyết, Lê Viên Lan Hương (2025), “Đánh giá mức độ sử dụng một số phương pháp học từ vựng tiếng Việt của học viên dự khóa Lào-Campuchia tại Học viện Quân y”, Tạp chí *Ngôn ngữ và Đời sống*, Số 8 (371)-2025, tr.72-80.

Tiếng Anh

7. Abduljawad, S. (2024), *Investigating the impact of ChatGPT as an AI tool on ESL writing performance*. International Journal of Computer-Assisted Language Learning and Teaching (IJCALLT), 14, 367276. <https://doi.org/10.4018/IJCALLT.367276>.
8. Ajisoko, P. (2020), *The use of Duolingo apps to improve English vocabulary learning*. International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET), 15(7), 149–155. <https://doi.org/10.3991/ijet.v15i07.13229>.
9. Al-Khresheh, M. H. (2024), *Bridging technology and pedagogy from a global lens: Teachers' perspectives on integrating ChatGPT in English language teaching*. Computers and Education: Artificial Intelligence, 6, Article 100218. <https://doi.org/10.1016/j.caeai.2024.100218>.
10. Davis, F. D. (1989), *Perceived usefulness, perceived ease of use, and user acceptance of information technology*. MIS Quarterly, 13(3), 319–340.

11. Silitonga, L. M., Wiyaka, W., & Prastikawati, E. F. (2024), *Boosting students' ESP vocabulary by utilizing AI chatbot*. ETERNAL (English Teaching Journal), 15(2), 275–283. <https://doi.org/10.26877/eternal.v15i2.605>.
12. Yoon, T., & Lee, K. A. K. (2023), *A study on elementary English teachers' responses to classes using AI-powered application: Focusing on Odinga English*. Journal of English Teaching through Movies and Media, 24(2), 47–57. <https://doi.org/10.16875/stem.2023.24.2.47>.

**The use of Artificial Intelligence in learning Vietnamese vocabulary
by Lao-Cambodian students at the Vietnam Military Medical University: a survey study**

Abstract: This study investigates the use of Artificial Intelligence (AI) in learning Vietnamese vocabulary among 64 Lao-Cambodian students at the Vietnam Military Medical University. The findings indicate that AI is used with high frequency, mainly through vocabulary lookup and usage-support tools such as Google Translate and ChatGPT. AI is positively perceived for facilitating rapid meaning comprehension, enhancing vocabulary retention, and increasing learning motivation. However, AI use remains largely spontaneous, with limited accuracy verification and insufficient alignment with specialized vocabulary requirements. The students express a strong need for teacher guidance and for integrating AI into classroom-based learning activities to improve the effectiveness of AI-assisted vocabulary learning.

Key words: Artificial Intelligence; Vietnamese vocabulary learning; Lao-Cambodian students; Vietnam Military Medical University; survey study.